



# Cập nhật PVS – KHẢ QUAN

**Ngày 18/08/2025**

---



## Phan Việt Hưng

(+84 8) 7300 7000 - Ext: 1044

hungpv@acbs.com.vn

## Báo cáo Cập nhật

Khuyến nghị

**KHẢ QUAN**

HNX: PVS

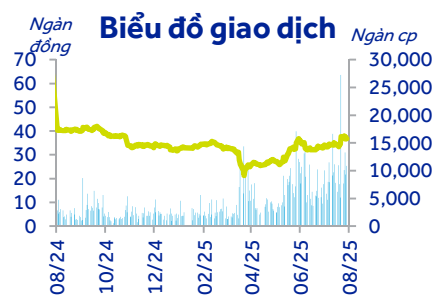
Dịch vụ và Thiết bị Dầu khí

|                              |        |
|------------------------------|--------|
| Giá mục tiêu (VND)           | 40.600 |
| Giá hiện tại (VND)           | 37.200 |
| Tỷ lệ tăng giá               | 9,1%   |
| Suất sinh lợi cổ tức kỳ vọng | 1,9%   |
| Tổng tỷ suất lợi nhuận       | 11,0%  |

## Diễn biến giá cổ phiếu (%)

|           | YTD   | 1T   | 3T   | 12T   |
|-----------|-------|------|------|-------|
| Tuyệt đối | 10,0  | 11,5 | 32,3 | -2,8  |
| Tương đối | -20,6 | -0,2 | 7,4  | -38,5 |

Nguồn: Bloomberg



## Cơ cấu sở hữu

|     |        |
|-----|--------|
| PVN | 51,38% |
|-----|--------|

## Thông kê

18/08/2025

|                             |                 |
|-----------------------------|-----------------|
| Mã Bloomberg                | PVS VN          |
| Thấp/Cao 52 tuần (VND)      | 21,400 - 42,700 |
| SL lưu hành (triệu cp)      | 478             |
| Vốn hóa (tỷ đồng)           | 17,828          |
| Vốn hóa (triệu USD)         | 675             |
| Room khối ngoại còn lại (%) | 37.2            |
| Tỷ lệ cp lưu hành tự do (%) | 41.0            |
| KLGD TB 3 tháng (cp)        | 7,897,533       |
| VND/USD                     | 26,430          |
| Index: VNIndex / HNX        | 1636.37/283.87  |

## TCT CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (HNX: PVS)

PVS công bố KQKD Q2/2025 với lợi nhuận sau thuế đạt 319 tỷ đồng (+52,6% svck và +6,6% so với quý trước), phù hợp với kỳ vọng của chúng tôi. Lũy kế 6T2025, LNST tăng 20,4% svck lên 619 tỷ đồng, hoàn thành 79% kế hoạch năm và 45% dự phóng của chúng tôi. Giá mục tiêu cho cổ phiếu đến cuối 2025 là 40.600 đồng/cp. Khuyến nghị **KHẢ QUAN**.

PVS ghi nhận kết quả kinh doanh Q2/2025 với doanh thu đạt 7.382 tỷ đồng (+38,5% svck) và LNST đạt 319 tỷ đồng (+52,6% svck). Mức tăng này là nhờ:

- Doanh thu mảng M&C (thường chiếm trung bình 55% tổng doanh thu) tăng 55,2% svck.
- LN góp tăng 83,5% svck giúp biên LN góp cải thiện lên mức 5,9% từ mức 4,3% cùng kỳ. Trong đó, biên LN góp mảng M&C cải thiện mạnh mẽ lên 3,5% từ mức 0,3% cùng kỳ năm trước nhờ việc bàn giao 33 chân đế cho dự án điện gió Greater Changhua 2a & 4 (CHW2204) và tiến độ hoàn thành tích cực của các gói thầu (EPCI#1-2-3) thuộc dự án Lô B Ô Môn.
- Doanh thu tài chính tăng 59,6% lên 223 tỷ đồng nhờ lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá tăng.

Các yếu tố trên đã bù đắp tác động tiêu cực từ chi phí quản lý và bán hàng tăng 26,3% svck lên 419 tỷ đồng.

Lũy kế 6T2025, doanh thu thuần đạt 13.396 tỷ đồng (+44,3% svck) và LNST 619 tỷ đồng (+20,4% svck). Mức tăng được đóng góp chính từ mảng Cơ khí xây lắp M&C với doanh thu tăng 80,1% svck và LN góp cải thiện lên 2,5% từ mức 1,2% cùng kỳ.

## Triển vọng

Hoạt động kinh doanh cốt lõi của PVS được dự phóng sẽ tăng trưởng tốt với tổng giá trị hợp đồng đã ký cho mảng M&C đạt khoảng 3,7 tỷ USD cho giai đoạn 2025-2030, chiếm 69% tổng dự phóng backlog của chúng tôi cho giai đoạn này.

Chúng tôi dự phóng kết quả kinh doanh của PVS với doanh thu đạt 30.017 tỷ đồng (+26% svck) và LNST đạt 1.380 tỷ đồng (+10,1% svck). Mặc dù hoạt động kinh doanh cốt lõi cải thiện, tăng trưởng LNST còn thấp là do trong năm 2024, PVS ghi nhận khoản LN khác trị giá 603 tỷ đồng. Bằng phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF), **chúng tôi định giá PVS tại 40.600 đồng/cp đến cuối 2025.**

|                          | 2022   | 2023   | 2024   | 2025F  | 2026F  |
|--------------------------|--------|--------|--------|--------|--------|
| DT Thuần (tỷ đồng)       | 16.373 | 19.374 | 23.770 | 30.018 | 37.366 |
| Tăng trưởng (%)          | 15%    | 18%    | 23%    | 26%    | 24%    |
| EBITDA (tỷ đồng)         | 292    | 447    | 292    | 637    | 705    |
| Biên EBITDA (%)          | 2%     | 2%     | 1%     | 2%     | 2%     |
| LN ròng (tỷ đồng)        | 944    | 1.060  | 1.255  | 1.381  | 1.545  |
| Tăng trưởng LN (%)       | 47%    | 16%    | 4%     | 21%    | 12%    |
| EPS (VND)                | 1.708  | 1.984  | 2.068  | 2.509  | 2.808  |
| Tăng trưởng (%)          | 47%    | 16%    | 4%     | 21%    | 12%    |
| ROE (%)                  | 7%     | 8%     | 9%     | 9%     | 10%    |
| ROIC (%)                 | 3%     | 3%     | 4%     | 3%     | 4%     |
| Nợ ròng/EBITDA (x)       | -29,7  | -18,7  | -46,7  | -15,9  | -16,5  |
| PER (lần)                | 22,0   | 18,9   | 18,1   | 14,9   | 13,4   |
| EV/EBITDA (x)            | 39,7   | 25,9   | 39,7   | 18,2   | 16,5   |
| PBR (lần)                | 1,4    | 1,3    | 1,2    | 1,2    | 1,2    |
| Cổ tức (đồng)            | 800    | 700    | 700    | 700    | 700    |
| Suất sinh lợi cổ tức (%) | 2%     | 2%     | 2%     | 2%     | 2%     |

**Lợi nhuận Q2 tăng trưởng tốt nhờ biên lợi nhuận gộp mảng M&C cải thiện**

Sau khi ghi nhận mức tăng trưởng LN âm trong Q1/2025, kết quả kinh doanh của PVS đã cải thiện khá tốt trong Q2/2025 với doanh thu đạt 7.382 tỷ đồng (+38,5% svck) và LNST đạt 319 tỷ đồng (+52,6% svck và +6,6% so với quý trước). Mức tăng này chủ yếu đến từ hoạt động kinh doanh cốt lõi cùng với lợi nhuận tài chính. Trong đó:

- Doanh thu hầu hết các mảng kinh doanh đều tăng tốt (ngoại trừ mảng dịch vụ tàu kỹ thuật). Doanh thu mảng M&C (thường chiếm trung bình 55% tổng doanh thu) tăng 55,2% svck.
- LN gộp tăng 83,5% svck giúp biên LN gộp cải thiện lên mức 5,9% từ mức 4,3% cùng kỳ. Trong đó, biên LN gộp mảng M&C cải thiện mạnh mẽ lên 3,5% từ mức 0,3% cùng kỳ năm trước nhờ việc bàn giao 33 chân đế cho dự án điện gió Greater Changhua 2a & 4 (CHW2204) và tiến độ hoàn thành tích cực của các gói thầu (EPCI#1-2-3) thuộc dự án Lô B Ô Môn.
- Doanh thu tài chính tăng 59,6% lên 223 tỷ đồng nhờ lãi tiền gửi và lãi chênh lệch tỷ giá tăng.

Diễn biến trên giúp bù đắp tác động tiêu cực từ chi phí quản lý và bán hàng tăng 26,3% svck lên 419 tỷ đồng (do chi phí dự phòng tăng lên 102 tỷ đồng so với 3,9 tỷ đồng cùng kỳ).

| <b>Kết quả kinh doanh của PVS</b>                  | <b>Q2/2025</b> | <b>Q2/2024</b> | <b>+/- svck</b> |
|----------------------------------------------------|----------------|----------------|-----------------|
| <b>Doanh thu (tỷ VND)</b>                          |                |                |                 |
| Cơ khí xây lắp (M&C)                               | 4.803          | 3.095          | 55,2%           |
| Kho nổi FSO/FPSO                                   | 652            | 563            | 15,7%           |
| Dịch vụ căn cứ cảng                                | 593            | 377            | 57,4%           |
| Dịch vụ tàu kỹ thuật                               | 444            | 632            | -29,8%          |
| Vận hành và bảo dưỡng (O&M)                        | 659            | 586            | 12,4%           |
| Khảo sát địa chấn (ROV)                            | 153            | 121            | 26,5%           |
| Khác                                               | 80             | 198            | -59,6%          |
| <b>Biên lợi nhuận gộp (%)</b>                      |                |                |                 |
| Cơ khí xây lắp (M&C)                               | 3,5%           | 0,3%           |                 |
| Kho nổi FSO/FPSO                                   | 5,6%           | 4,3%           |                 |
| Dịch vụ căn cứ cảng                                | 15,7%          | 20,5%          |                 |
| Dịch vụ tàu kỹ thuật                               | 15,5%          | 8,8%           |                 |
| Vận hành và bảo dưỡng (O&M)                        | 2,8%           | 5,7%           |                 |
| Khảo sát địa chấn (ROV)                            | 15,3%          | 31,7%          |                 |
| Khác                                               | 38,6%          | 2,0%           |                 |
| <b>Chi phí bán hàng &amp; Quản lý doanh nghiệp</b> | <b>419</b>     | <b>332</b>     | <b>26,3%</b>    |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                          | <b>319</b>     | <b>209</b>     | <b>52,6%</b>    |

*Nguồn: PVS, ACBS*

Lũy kế 6T2025, doanh thu thuần đạt 13.396 tỷ đồng (+44,3% svck) và LNST 619 tỷ đồng (+20,4% svck). Mức tăng được đóng góp chính từ mảng Cơ khí xây lắp M&C với doanh thu tăng 80,1% svck và LN gộp cải thiện lên 2,5% từ mức 1,2% cùng kỳ.

### Khối lượng Backlog lớn của mảng M&C

Tổng giá trị hợp đồng đã ký cho mảng M&C của PVS đạt khoảng 3,7 tỷ USD cho giai đoạn 2025-2030, chiếm 69% tổng dự phóng backlog của chúng tôi cho giai đoạn này.

Với việc triển khai thành công nhiều công trình điện gió ngoài khơi, đặc biệt với vai trò chế tạo, lắp đặt các cấu kiện quan trọng như chân đế, trạm biến áp ngoài khơi, PVS đã khẳng định năng lực kỹ thuật và vị thế của mình trong chuỗi cung ứng điện gió khu vực Châu Á. Nhờ đó, PVS có lợi thế trong việc tham gia đấu thầu các dự án năng lượng tái tạo trong tương lai. Ngoài ra, theo Quy hoạch Điện VIII, nhu cầu điện gió ngoài khơi ở Việt Nam có thể đạt mức 6.000 MW năm 2030 và 91.500 MW vào 2050. Do đó, mảng M&C sẽ hưởng lợi từ diễn biến này.

| Các dự án tiêu biểu/ tiềm năng PVS | Giá trị hợp đồng ước tính ( triệu USD) | Thời gian dự kiến |
|------------------------------------|----------------------------------------|-------------------|
| <b>Dự án dầu khí</b>               |                                        |                   |
| Lô B Ô Môn                         | 1.200                                  | 2024-2030         |
| Lạc đà vàng                        | 356                                    | 2024-2028         |
| Sư tử trắng-giai đoạn 2B           | 380                                    | 2025-2027         |
| Kho LNG Thị Vải – giai đoạn 2      | 100                                    | 2026-2029         |
| <b>Dự án điện gió ngoài khơi</b>   |                                        |                   |
| Greater Changhua 2a & 4 (CHW2204)  | 320                                    | 2023-6/2025       |
| Baltica 2 (Ba Lan)                 | 180                                    | 2023-2026         |
| Fengmiao (Đài Loan)                | 100                                    | 10/2023-2026      |
| Formosa 4 (Đài Loan)               | 400                                    | 2026-2028         |
| <b>Các dự án tiềm năng khác</b>    |                                        |                   |
| Kho LNG Sơn Mỹ                     | 300                                    | 2027-2030         |
| Kho LNG Thị Vải – giai đoạn 3      | n/a                                    | n/a               |
| Cá Voi Xanh                        | n/a                                    | 2027-2030         |
| Nam Du U Minh                      | 190                                    | 2026-2028         |
| Điện hạt nhân                      | n/a                                    | n/a               |
| Điện gió xuất khẩu sang Singapore  | n/a                                    | 2028-2032         |

### Dự án Điện gió xuất khẩu sang Singapore

- Dự kiến vận hành thương mại: 2033
- Nhà đầu tư: Tenaga Nasional Berhad, Petronas và Sembcorp Utilities, PTSC
- Công suất: 2.300 MW (không nằm trong quy hoạch 6.000MW nêu trên)
- Tổng vốn đầu tư: 4,6 tỷ USD

Hiện tại chúng tôi chưa đưa dự án này vào mô hình dự phóng do dự án này đang trong quá trình nghiên cứu tính khả thi của việc xuất khẩu điện sạch từ Việt Nam sang Malaysia và Singapore thông qua tuyến cáp ngầm. Dự án gồm 3 cấu phần chính, bao gồm trang trại điện gió tại vùng biển Việt Nam, hệ thống cáp ngầm và các trạm biến áp tại hai đầu kết nối. PTSC giữ vai trò vừa là nhà cung cấp dịch vụ kỹ thuật, vừa là nhà đầu tư trong chuỗi dự án.

### **Cập nhật tiến độ Dự án Lô B Ô Môn**

Dự án hiện đã bước vào giai đoạn triển khai tổng thể, đồng bộ, với khối lượng công việc lớn và mục tiêu đón dòng khí đầu tiên (First gas) vào tháng 8/2027. Dự án bao gồm 3 hợp phần: thượng nguồn (phát triển mỏ Lô B), trung nguồn (đường ống dẫn khí), và hạ nguồn (4 nhà máy điện khí tại Ô Môn). Trong đó, các gói thầu PVS đã đạt được như sau:

| <b>Gói thầu</b> | <b>Giá trị hợp đồng</b>                                           | <b>Tiến độ hoàn thành</b>                        |
|-----------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| <b>EPCI#1</b>   | Tổng giá trị: 1,1 tỷ USD.<br>Phần hợp đồng cho PVS: 550 triệu USD | 12/2024: 12,8%<br>2/2025: 16,7%<br>6/2025: 25,4% |
| <b>EPCI#2</b>   | Phần hợp đồng cho PVS: 400 triệu USD                              | 12/2024: 24,4%<br>2/2025: 34%<br>6/2025: 55,3%   |
| <b>EPCI#3</b>   | Phần hợp đồng cho PVS: 257 triệu USD                              | 2/2025: 16%                                      |

Bên cạnh đó, PVS cũng đã trúng hợp đồng cung cấp FSO cho dự án này. Giá trị hợp đồng ước tính trên 480 triệu USD cho 14 năm và trên 600 triệu USD nếu bao gồm 9 năm gia hạn. Việc xây dựng FSO dự kiến hoàn thành trong Q4/2027.

### **Kế hoạch tăng vốn và nhu cầu đầu tư xây dựng cơ bản cao**

Với kế hoạch đầu tư giai đoạn 2026 - 2030, nhu cầu vốn của PVS khá cao lên tới 27.699 tỷ đồng. Trong đó, nhu cầu cho việc nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh (mảng M&C, cảng, tàu biển, cơ sở hạ tầng CNTT) là 15.500 tỷ đồng (+57% so với kế hoạch đề ra tại ĐHCĐ 2024). Phần còn lại bao gồm tham gia góp vốn vào FSO/FPSO, sản xuất cáp ngầm, xuất khẩu điện sang Singapore, trung tâm năng lượng tái tạo ngoài khơi. Trong đó, riêng dự án xuất khẩu điện gió sang Singapore sẽ cần đến 10.000 tỷ đồng.

Tại đại hội cổ đông 2025, PVS lên kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 9.000 tỷ đồng và có thể đạt mức 17.000 tỷ đồng vào 2030. Kế hoạch này vẫn đang trình công ty mẹ PVN và cơ quan có thẩm quyền.

### **Dự phóng và định giá**

Chúng tôi dự phóng kết quả kinh doanh của PVS với doanh thu đạt 30.017 tỷ đồng (+26% svck) và LNST đạt 1.380 tỷ đồng (+10,1% svck). Mặc dù hoạt động kinh doanh cốt lõi cải thiện, LNST chưa tăng trưởng nhiều do trong năm 2024, PVS ghi nhận khoản LN khác trị giá 603 tỷ đồng (nhờ giảm nợ nhà cung cấp và hoàn nhập dự phòng bảo hành các công trình xây dựng).

Mặc dù giá trị backlog trong giai đoạn 2025-2030 khá lớn, nhu cầu vốn cho xây dựng cơ bản của PVS nhằm gia tăng năng lực sản xuất phục vụ cho các dự án là khá lớn. Trong khi đó, mức cải thiện của biên lợi nhuận gộp mảng M&C chưa đáng kể và cần theo dõi thêm.

Bằng phương pháp chiết khấu dòng tiền (DCF), chúng tôi định giá PVS 40.600 đồng/ cp đến cuối 2025.

**MÔ HÌNH ĐỊNH GIÁ PVS**

| (đơn vị: tỷ đồng nếu không có ghi chú khác) | 2022          | 2023          | 2024          | 2025F         | 2026F         |
|---------------------------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| <b>Doanh thu thuần</b>                      | <b>16.373</b> | <b>19.374</b> | <b>23.770</b> | <b>30.018</b> | <b>37.366</b> |
| <i>Tăng trưởng (%)</i>                      | <i>15%</i>    | <i>18%</i>    | <i>23%</i>    | <i>26%</i>    | <i>24%</i>    |
| GVHB trừ khấu hao                           | 15.173        | 17.874        | 22.148        | 28.044        | 34.998        |
| Chi phí bán hàng và QLDN                    | 907           | 1.052         | 1.330         | 1.336         | 1.663         |
| <i>Chi phí bán hàng và QLDN/DTT</i>         | <i>6%</i>     | <i>5%</i>     | <i>6%</i>     | <i>4%</i>     | <i>4%</i>     |
| <b>EBITDA</b>                               | <b>292</b>    | <b>447</b>    | <b>292</b>    | <b>637</b>    | <b>705</b>    |
| <i>Tỷ suất EBITDA (%)</i>                   | <i>2%</i>     | <i>2%</i>     | <i>1%</i>     | <i>2%</i>     | <i>2%</i>     |
| Khấu hao                                    | 285           | 461           | 557           | 482           | 504           |
| <b>Lợi nhuận từ HĐKD</b>                    | <b>7</b>      | <b>(13)</b>   | <b>(265)</b>  | <b>155</b>    | <b>201</b>    |
| <i>Biên LN HĐKD (%)</i>                     | <i>0%</i>     | <i>0%</i>     | <i>-1%</i>    | <i>1%</i>     | <i>1%</i>     |
| Chi phí lãi vay ròng                        | -207          | -391          | -178          | -409          | -351          |
| <i>Chi phí lãi vay/Nợ ròng trung bình</i>   | <i>3%</i>     | <i>5%</i>     | <i>2%</i>     | <i>3%</i>     | <i>3%</i>     |
| Thuế                                        | 229           | 217           | 299           | 324           | 362           |
| <i>Thuế suất thực tế (%)</i>                | <i>20%</i>    | <i>17%</i>    | <i>19%</i>    | <i>19%</i>    | <i>19%</i>    |
| Lợi ích CĐTS                                | 61            | 34            | 185           | 83            | 93            |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                   | <b>944</b>    | <b>1.060</b>  | <b>1.255</b>  | <b>1.381</b>  | <b>1.545</b>  |
| <i>Biên lợi nhuận ròng (%)</i>              | <i>6%</i>     | <i>5%</i>     | <i>5%</i>     | <i>5%</i>     | <i>4%</i>     |
| Tiền mặt đạt được                           | 1.229         | 1.521         | 1.812         | 1.863         | 2.049         |
| Số lượng cổ phiếu (triệu cp)                | 478           | 478           | 478           | 478           | 478           |
| <b>EPS (VND)</b>                            | <b>1.708</b>  | <b>1.984</b>  | <b>2.068</b>  | <b>2.509</b>  | <b>2.808</b>  |
| T/đ chia thưởng/cổ tức bằng cp (lần)        | 1,00          | 1,00          | 1,00          | 1,00          | 1,00          |
| <b>EPS hiệu chỉnh (VND)</b>                 | <b>1.708</b>  | <b>1.984</b>  | <b>2.068</b>  | <b>2.509</b>  | <b>2.808</b>  |
| <i>Tăng trưởng EPS hiệu chỉnh (%)</i>       | <i>47%</i>    | <i>16%</i>    | <i>4%</i>     | <i>21%</i>    | <i>12%</i>    |

| <b>CÁC KHOẢN MỤC CĐKT VÀ DÒNG TIỀN</b> | <b>2022</b>    | <b>2023</b>    | <b>2024</b>     | <b>2025F</b>    | <b>2026F</b>    |
|----------------------------------------|----------------|----------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Thay đổi vốn lưu động                  | (1.095)        | 163            | (2.767)         | 1.658           | (968)           |
| Capex                                  | 561            | 904            | 889             | 390             | 1.000           |
| Đầu tư vào cty liên kết, liên doanh    | 905            | 1.204          | 1.500           | 1.200           | 1.200           |
| <b>Dòng tiền tự do</b>                 | <b>2.668</b>   | <b>1.658</b>   | <b>5.189</b>    | <b>1.015</b>    | <b>3.217</b>    |
| Phát hành cp                           | 0              | 0              | 0               | 0               | 0               |
| Cổ tức đã trả                          | 430            | 378            | 379             | 335             | 335             |
| Thay đổi nợ ròng                       | (2239)         | (1280)         | (4810)          | (681)           | (2883)          |
| <b>Nợ ròng cuối năm</b>                | <b>(8.681)</b> | <b>(8.346)</b> | <b>(13.648)</b> | <b>(10.115)</b> | <b>(11.614)</b> |
| Giá trị doanh nghiệp                   | 9.243          | 9.577          | 4.275           | 7.809           | 6.309           |
| <b>Vốn CSH</b>                         | <b>12.949</b>  | <b>13.544</b>  | <b>14.740</b>   | <b>14.397</b>   | <b>15.431</b>   |
| Giá trị sổ sách/cp (VND)               | 27.091         | 28.337         | 30.838          | 30.120          | 32.286          |
| Nợ ròng / VCSH (%)                     | -67%           | -62%           | -93%            | -70%            | -75%            |
| Nợ ròng / EBITDA (x)                   | -29,7          | -18,7          | -46,7           | -15,9           | -16,5           |
| <b>Tổng tài sản</b>                    | <b>25.828</b>  | <b>26.416</b>  | <b>34.077</b>   | <b>31.385</b>   | <b>35.312</b>   |

| <b>CHỈ SỐ KHẢ NĂNG SINH LỢI VÀ ĐỊNH GIÁ</b> | <b>2022</b> | <b>2023</b> | <b>2024</b> | <b>2025F</b> | <b>2026F</b> |
|---------------------------------------------|-------------|-------------|-------------|--------------|--------------|
| ROE (%)                                     | 7,4%        | 8,0%        | 8,9%        | 9,5%         | 10,4%        |
| ROA (%)                                     | 0,0%        | -0,1%       | -0,9%       | 0,5%         | 0,6%         |
| ROIC (%)                                    | 3,1%        | 2,9%        | 3,7%        | 3,3%         | 3,8%         |
| WACC (%)                                    | 15%         | 15%         | 15%         | 15%          | 15%          |
| EVA (%)                                     | -12%        | -12%        | -11%        | -12%         | -11%         |
| PER (x)                                     | 22,0        | 18,9        | 18,1        | 14,9         | 13,4         |
| EV/EBITDA (x)                               | 39,7        | 25,9        | 39,7        | 18,2         | 16,5         |
| EV/FCF (x)                                  | 4,3         | 7,0         | 2,2         | 11,4         | 3,6          |
| PBR (x)                                     | 1,4         | 1,3         | 1,2         | 1,2          | 1,2          |
| PSR (x)                                     | 0,0         | 0,0         | 0,0         | 0,0          | 0,0          |
| EV/sales (x)                                | 0,7         | 0,6         | 0,5         | 0,4          | 0,3          |
| Suất sinh lợi cổ tức (%)                    | 2,4%        | 2,1%        | 2,1%        | 1,9%         | 1,9%         |

### LIÊN HỆ

#### Trụ sở chính

Leman, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3, TPHCM  
Tel: (+84 28) 7300 7000

#### Chi nhánh Hà Nội

10, Phan Chu Trinh Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: (+84 24) 3942 9395  
Fax: (+84 24) 3942 9407

### PHÒNG PHÂN TÍCH

#### Quyền Giám Đốc Phòng Phân Tích & Chiến lược Thị trường

##### Đỗ Minh Trang

(+84 28) 7300 7000 (x1041)  
[trangdm@acbs.com.vn](mailto:trangdm@acbs.com.vn)

##### Giám đốc phân tích ngành Bất động sản

**Phạm Thái Thanh Trúc**  
(+84 28) 7300 7000 (x1043)  
[trucptt@acbs.com.vn](mailto:trucptt@acbs.com.vn)

##### Giám đốc phân tích ngành Tài chính

**Cao Việt Hùng**  
(+84 28) 7300 7000 (x1049)  
[hungcv@acbs.com.vn](mailto:hungcv@acbs.com.vn)

##### Giám đốc phân tích ngành Bán lẻ, Công nghệ

**Lương Thị Kim Chi**  
(+84 28) 7300 7000 (x1042)  
[chiltk@acbs.com.vn](mailto:chiltk@acbs.com.vn)

##### Giám đốc phân tích trái phiếu

**Võ Diệu Phương Tuyền**  
(+84 28) 7300 7000 (x1110)  
[tuyenvdp@acbs.com.vn](mailto:tuyenvdp@acbs.com.vn)

##### CVPT – Vật liệu Xây dựng, Hóa chất

**Trần Nhật Trung**  
(+84 28) 7300 7000 (x1045)  
[trungtn@acbs.com.vn](mailto:trungtn@acbs.com.vn)

##### CVPT- Dầu khí Phan Việt Hưng

(+84 28) 7300 7000 (x1044)  
[hungpv@acbs.com.vn](mailto:hungpv@acbs.com.vn)

##### CVPT – Vĩ mô & TT Tiền tệ Trịnh Viết Hoàng Minh

(+84 28) 7300 7000 (x1046)  
[minhtvh@acbs.com.vn](mailto:minhtvh@acbs.com.vn)

##### CVPT - Logistic Nguyễn Thế Hùng

(+84 28) 7300 7000 (x1047)  
[hungnt@acbs.com.vn](mailto:hungnt@acbs.com.vn)

##### CVPT – Ngành Điện, nước Phạm Đức Toàn

(+84 28) 7300 7000 (x1051)  
[toanpd@acbs.com.vn](mailto:toanpd@acbs.com.vn)

##### NVPT – PTKT Võ Phú Hữu

(+84 28) 7300 7000 (x1052)  
[huvvp@acbs.com.vn](mailto:huvvp@acbs.com.vn)

### KHOİ KHÁCH HÀNG ĐỊNH CHẾ

#### Trưởng phòng khối khách hàng định chế

##### Chu Thị Kim Hương

(+84 28) 7300 7000 (x1083)  
[huongctk@acbs.com.vn](mailto:huongctk@acbs.com.vn)  
[groupis@acbs.com.vn](mailto:groupis@acbs.com.vn)

##### Giám đốc Xử lý giao dịch KHĐC

**Nguyễn Trần Như Huỳnh**  
(+84 28) 7300 6879 (x1088)  
[huynhntn@acbs.com.vn](mailto:huynhntn@acbs.com.vn)

## KHUYẾN CÁO

### Nguyên Tắc Khuyến Nghị

**MUA:** nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) cao hơn 20% so với giá thị trường.

**KHẢ QUAN:** nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) cao hơn 10% đến 20% so với giá thị trường.

**TRUNG LẬP:** nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) trong khoảng -10% và 10% so với giá thị trường.

**KÉM KHẢ QUAN:** nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) thấp hơn 10% đến 20% so với giá thị trường.

**BÁN:** nếu giá mục tiêu (bao gồm suất sinh lợi cổ tức) thấp hơn 20% so với giá thị trường.

### Xác Nhận Của Chuyên Viên Phân Tích

Chúng tôi, các tác giả của bản báo cáo phân tích này, xác nhận rằng (1) các quan điểm được trình bày trong bản báo cáo phân tích này là của chúng tôi (2) chúng tôi không nhận được bất kỳ khoản thu nhập nào, trực tiếp hoặc gián tiếp, từ các khuyến nghị hoặc quan điểm được trình bày đó.

### Công Bố Thông Tin Quan Trọng

ACBS và các tổ chức có liên quan của ACBS (sau đây gọi chung là ACBS) đã có hoặc sẽ tiến hành các giao dịch theo giấy phép kinh doanh của ACBS với các công ty được trình bày trong bản báo cáo phân tích này. Danh mục đầu tư trên tài khoản tự doanh chứng khoán của ACBS cũng có thể có chứng khoán do các công ty này phát hành. Vì vậy nhà đầu tư nên lưu ý rằng ACBS có thể có xung đột lợi ích ở bất kỳ thời điểm nào. ACBS phát hành nhiều loại báo cáo phân tích, bao gồm nhưng không giới hạn ở phân tích cơ bản, phân tích cổ phiếu, phân tích định lượng hoặc phân tích xu hướng thị trường. Các khuyến nghị trên mỗi loại báo cáo phân tích có thể khác nhau, nguyên nhân xuất phát từ sự khác biệt về thời hạn đầu tư, phương pháp phân tích áp dụng và các nguyên nhân khác.

### Tuyên Bố Miễn Trách Nhiệm

Bản báo cáo phân tích này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, ACBS không cung cấp bất kỳ bảo đảm rõ ràng hay ngụ ý nào và không chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các thông tin chứa đựng trong báo cáo cho một mục đích sử dụng cụ thể. ACBS sẽ không xem những người nhận báo cáo, không nhận trực tiếp từ ACBS, là khách hàng của ACBS. Giá chứng khoán được trình bày trong kết luận của báo cáo (nếu có) chỉ mang tính tham khảo. ACBS không đề nghị hoặc khuyến khích nhà đầu tư tiến hành mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào dựa trên báo cáo này. **ACBS, các tổ chức liên quan của ACBS, ban quản lý, đối tác hoặc nhân viên của ACBS sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ (a) các thiệt hại trực tiếp, gián tiếp; hoặc (b) các khoản tổn thất do mất lợi nhuận, doanh thu, cơ hội kinh doanh hoặc các khoản tổn thất khác, kể cả khi ACBS đã được thông báo về khả năng xảy ra thiệt hại hoặc tổn thất đó, phát sinh từ việc sử dụng bản báo cáo phân tích này hoặc thông tin trong đó.** Ngoài các thông tin liên quan đến ACBS, các thông tin khác trong bản báo cáo này được thu thập từ các nguồn mà ACBS cho rằng đáng tin cậy, tuy nhiên ACBS không bảo đảm tính đầy đủ và chính xác của các thông tin đó. Các quan điểm trong báo cáo có thể bị thay đổi bất kỳ lúc nào và ACBS không có nghĩa vụ cập nhật các thông tin và quan điểm đã bị thay đổi đó cho nhà đầu tư đã nhận báo cáo này.

**Bản báo cáo có chứa đựng các giả định, quan điểm của chuyên viên phân tích, tác giả của báo cáo, ACBS không chịu trách nhiệm cho bất kỳ sai sót nào của họ phát sinh trong quá trình lập báo cáo, đưa ra các giả định, quan điểm. Trong tương lai, ACBS có thể sẽ phát hành các bản báo cáo có thông tin mâu thuẫn hoặc thậm chí có nội dung kết luận đi ngược lại hoàn toàn với bản báo cáo này.** Các khuyến nghị trong bản báo cáo này hoàn toàn là của riêng chuyên viên phân tích, các khuyến nghị đó không được đưa ra dựa trên các lợi ích của bất kỳ cá nhân tổ chức nào, kể cả lợi ích của ACBS. Bản báo cáo này không nhằm đưa ra các lời khuyên đầu tư cụ thể, cũng như không xem xét đến tình hình và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư nào, những người nhận bản báo cáo này. Vì vậy các chứng khoán được trình bày trong bản báo cáo có thể không phù hợp với nhà đầu tư. ACBS khuyến nghị rằng nhà đầu tư nên tự thực hiện đánh giá độc lập và tham khảo thêm ý kiến chuyên gia khi tiến hành đầu tư. Giá trị và thu nhập đem lại từ các khoản đầu tư có thể thay đổi hàng ngày tùy theo thay đổi của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Các kết luận trong báo cáo không nhằm tiên đoán thực tế do đó nó có thể khác xa so với thực tế, kết quả đầu tư của quá khứ không bảo đảm cho kết quả đầu tư của tương lai.

**Bản báo cáo này có thể không được phát hành rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng hay được sử dụng, trích dẫn bởi các phương tiện thông tin đại chúng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của ACBS. Việc sử dụng không có sự đồng ý của ACBS sẽ bị xem là bất hợp pháp và cá nhân, tổ chức vi phạm có nghĩa vụ bồi thường mọi thiệt hại, tổn thất (nếu có) đã gây ra cho ACBS từ sự vi phạm đó.**

Trong trường hợp quốc gia của nhà đầu tư nghiêm cấm việc phân phối hoặc nhận các báo cáo phân tích như thế này thì nhà đầu tư cần hủy bản báo cáo này ngay lập tức, nếu không nhà đầu tư sẽ hoàn toàn tự chịu trách nhiệm.

ACBS không cung cấp dịch vụ tư vấn thuế và không nội dung nào trong bản báo cáo này được xem như có nội dung tư vấn thuế. Do đó khi liên quan đến vấn đề thuế, nhà đầu tư cần tham khảo ý kiến của chuyên gia dựa trên tình hình và điều kiện tài chính cụ thể của nhà đầu tư.

Bản báo cáo này có thể chứa đựng các đường dẫn đến trang web của bên thứ ba, ACBS không chịu trách nhiệm đối với nội dung trên các trang web này. Việc đưa đường dẫn chỉ nhằm mục đích tạo sự thuận tiện cho nhà đầu tư trong việc tra cứu thông tin; do đó nhà đầu tư hoàn toàn chịu các rủi ro khi truy cập các trang web này.

© Copyright ACBS (2025). Mọi quyền sở hữu trí tuệ và quyền tác giả là của ACBS và/hoặc chuyên viên phân tích. Bản báo cáo phân tích này không được phép sao chép, toàn bộ hoặc một phần, khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của ACBS.